TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khuất Thị Toàn
2. Bà Nguyễn Khánh Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐXXST-HS ngày 10/4/2020 đối với các bị cáo:

1.Vàng Thị M; tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 8 năm 1995 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng Dung Ph, sinh năm 1970 và bà: Sân Thị M, sinh năm 1966; chồng: Sân Xín S, sinh năm 1993; con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/12/2019 đến ngày 05/01/2020, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

2. Dương Quang V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 12 năm 2001 tại huyện D, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Phố P, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố: Không xác định được, mẹ: Dương Thị X, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 09/01/2020, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị M: Bà Bùi Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hầu Văn Th - Sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Sân Thị M

Trú tại: Thôn N, xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Thu H - Sinh năm 1972

Trú tại: Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 15 giờ ngày 26/12/2019, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang tiếp nhận thông tin từ chị Phạm Thị Thu H - Địa chỉ: Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định, là chủ xe khách Đặng Ph BKS: 18B-012.75, chạy tuyến Hà Giang- Giao Thủy (Nam Định) đang đón khách tại bến xe C, xã Ph, thành phố H, tỉnh Hà Giang báo: Nhà xe có nhận một thùng cát tông màu nâu, kích thước 46x32x46cm, bên ngoài bọc bao tải xác rắn màu xanh từ nhà xe C (chạy tuyến Q-Hà Giang) nghi là pháo. Trên thùng cát tông có ghi: "Người nhận: Trần Văn Đ; địa chỉ: gầm cầu tt Đ, t Hà Nam; Sđt: 0353634582; Nhà xe Hà Giang: Đ; Người gửi: Vàng Thị M; Địa chỉ: Ngh, QB,HG; Sđt:0384295211". Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã lập biên bản thu giữ tại hiện trường toàn bộ thùng cát tông trên.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang cân tịnh số vật nghi là pháo trong thùng cát tông, có tổng khối lượng là 26,9kg.

Quá trình điều tra, công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xác định: Số pháo đã thu giữ là của Vàng Thị M, sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang. M khai số pháo trên là do M mua của một người đàn ông Trung Quốc tại chợ phiên thuộc thôn N, cách cột mốc biên giới 325 khoảng 20 mét thuộc xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang với số tiền: 3.000.000^{đ} vào hồi 19 giờ ngày 25/12/2019. Số tiền M mua pháo là do Dương Quang V, sinh ngày 04/12/2001, trú tại: Phố Ph, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam (là người chung sống với em gái M là Vàng Thị S). Ngày 24/12/2019, V có ý định mua pháo về chơi tết. V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, số thuê bao 0353634582, gọi vào số thuê bao 0384295211 của M để nhờ M mua hộ pháo. Sau đó, V đã đến chi nhánh cửa hàng điện thoại di động VIETTEL (thuộc phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam) gửi số tiền: 5.000.000^{đ} vào tài khoản 39810000604438 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Giang của M. Chuyển tiền xong, V gọi điện cho M thông báo và hướng dẫn M sau khi mua được pháo thì chuyển về cho V theo địa chỉ không ghi tên V mà viết tên người nhận là Trần Văn Đ, cùng số điện thoại của V, nơi nhận là gầm cầu thị trấn Đ, tỉnh Hà Nam, còn người gửi không viết tên M mà viết tên người gửi là Vàng Thị M cùng số điện thoại và địa chỉ của M. Ngày 26/12/2019, M gọi điện cho V thông báo đã mua pháo hết số tiền: 3.000.000^{đ}, còn lại 2.000.000^{đ} M sẽ gửi lại cho V cùng với số pháo M đã mua. Tuy nhiên V nói không lấy lại tiền và đồng ý để M sử dụng. Hai bên thỏa thuận, cước gửi số pháo trên từ Q về Hà Giang do M chịu, từ Hà Giang về Hà Nam do V chịu.

Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2019, M gửi số pháo trên cho xe C từ thị trấn Q về thành phố H để chuyển về Hà Nam thì bị bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định số:11/KL-PC09 ngày 31/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Mẫu vật gửi đi giám định ký hiệu M1,M2,M3,M4 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Tại Bản kết luận giám định số 12/KL-PC09 ngày 03/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chữ viết tên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Vàng Thị M trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra.

Công văn số 49 ngày 10/01/2020 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Giang cung cấp: Tài khoản 39810000604438 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh nam Thái Nguyên, được đăng ký ngày 11/03/2019 mang tên Vàng Thị M, sinh ngày 25/8/1995. Ngày 24/12/ 2019 phát sinh giao dịch nhận 5.000.000^{đ} đến tài khoản này, cũng trong ngày đã rút hai lần tiền, lần đầu : 3000.000^{đ}, lần 2: 2.000.000^{đ}.

Các số điện thoại 0399394761 của M, 0353634582 của V, 0384295211 của bà Sân Thị M (là mẹ đẻ của M), M và V thừa nhận không đăng ký chính tên chính chủ mà mua lại và có sử dụng để trao đổi mua bán pháo.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSTPHG ngày 20/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vàng Thị M về tội "Buôn bán hàng cấm" theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự, bị cáo Dương Quang V về tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo M khai nhận: Ngày 24/12/2019, V có gọi điện nhờ M mua pháo gửi cho V đốt chơi vào dịp tết. V đã chuyển vào tài khoản của M số tiền: 5.000.000^{đ}, nhờ M mua hộ: 3.000.000^{đ} tiền pháo, còn 2.000.000^{đ} V cho M mua quà tết cho con của M. V đã hướng dẫn M viết địa chỉ người nhận để M gửi số pháo trên về cho V.

Bị cáo V xác nhận sự việc đúng như bị cáo M trình bày. Do bị cáo hiện đang chung sống như vợ chồng với em gái của M nên bị cáo gửi số tiền: 5.000.000^{đ} cho M nhưng chỉ nhờ M mua hộ 3.000.000^{đ} tiền pháo, còn lại 2.000.000^{đ} V cho M mua quà tết cho con của M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Quang V về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu; thay đổi tội danh đối với bị cáo Vàng Thị M từ tội "Buôn bán hàng cấm" theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự sang tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vàng Thị M, Dương Quang V phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo M từ 16 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 40 tháng; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V từ 20 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 đến 48 tháng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) thùng cát tông màu nâu, kích thước 46x32x46 cm, bên ngoài bọc bao tải xác rắn màu xanh, bên trong có khối lượng pháo là 20,9kg (Hai mươi phẩy chín kilogam), là số pháo còn lại sau khi giám định.

+ 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang màu đen, kích thước 17x11,5 cm, trên mặt giấy ghi: "Người Nhận: trần Văn Đ; Địa chỉ: gầm cầu tt Đ, t Hà Nam; sđt: 0353634582; Nhà xe Hà Giang: Đ; Người gửi: Vàng Thị m; Địa chỉ: Ngh QB-HG; sđt: 0384295211".

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 màu vàng trắng, lắp 01 sim mạng VIETTEL, số thuê bao 0399294761; số IMEL 1: 863654039191630, số IMEL 2: 863654039191622; Tình trạng máy: đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình.

- Trả lại cho bị cáo M những tài sản còn lại.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo M, bà H có quan điểm: Về tội danh của bị cáo M, bà nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang về thay đổi tội danh của bị cáo từ Buôn bán hàng cấm sang Vận chuyển hàng cấm. Bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có hai con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho bị cáo M được hưởng án treo ở mức khởi điểm của khung hình phạt; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016, miễn án phí cho bị cáo M; đề nghị trả lại cho bị cáo M chiếc xe máy, là tài sản của cả gia đình bị cáo.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo nhận thấy việc làm của các bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị cáo bị xử lý là thỏa đáng. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[3] Tại Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSTPHG ngày 20/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vàng Thị M về tội "Buôn bán hàng cấm" theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, sau phần tranh tụng tại phiên tòa, tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã thay đổi tội danh đối với bị cáo M từ tội "Buôn bán hàng cấm" theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật

hình sự sang tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Xét thấy: Số tiền 2.000.000đ còn thừa sau khi mua pháo cho V, M đã báo cho V biết nhưng V không yêu cầu M trả lại, việc mua pháo không nhằm mục đích lợi nhuận nên không có đủ căn cứ xét xử bị cáo M về tội "Buôn bán hàng cấm". Việc luận tội bị cáo M về tội nhẹ hơn đối với M của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại Điều 319, 321 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[4] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Vàng Thị M, Dương Quang V: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/11/2019 Dương Quang V đã gọi điện và chuyển số tiền: 5.000.000đ nhờ Vàng Thị M mua giúp pháo mục đích để về đốt chơi tết và hướng dẫn M chuyển số pháo trên cho V bằng xe khách dưới tên của một người khác nhưng số điện thoại liên lạc là của V. Hồi 19 giờ ngày 25/12/2019, M mua của một người đàn ông Trung Quốc tại chợ phiên thuộc thôn N thuộc xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang với số tiền: 3.000.000đ, còn lại số tiền: 2.000.000đ V cho M sử dụng. Ngày 26/12/2019, M gửi số pháo với khối lượng 26,9kg cho V bằng xe khách thì bị bắt giữ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, các bị cáo nhận thức rõ việc Nhà nước đã cấm mọi hành vi sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ hoặc pháo hoa gây nổ. Nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

[6] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Dương Quang V là người khởi xướng, chủ động liên hệ và nhờ M mua pháo, hướng dẫn M phương thức vận chuyển số pháo trên cho V. M là người thừa hành tích cực nên V phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.Vì vậy, cần phải xét xử một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết định khung tăng nặng*:* Không có.

[8] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy bị cáo M và V được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Trên cơ sở xem xét toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự để các bị cáo Vàng Thị M, Dương Quang V được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật từ đó các bị cáo tích cực học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với Hầu Văn Th- Trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là phụ xe khách C nhận vận chuyển pháo cho M, nhưng không biết đó là pháo nên không xử lý.

[12] Đối với người đàn ông đã bán pháo cho Vàng Thị M, chưa xác định được thân nhân, cơ quan điều tra sẽ xử lý khi làm rõ.

[13] Đối với số tiền: 2.000.000^{đ} mà V gửi cho M nhưng M không sử dụng để mua pháo mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá trình điều tra xác định: Sau khi mua pháo với số tiền 3.000.000^{đ}, còn lại 2.000.000^{đ} M đã báo lại cho V biết và V đã đồng ý cho M được sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với số tiền 20.000^{đ} là tiền cước vận chuyển pháo từ Q về Hà Giang, do M sử dụng tiền riêng trả choTh, xét thấy đây là giao dịch dân sự, nhà xe không biết M gửi pháo nên không xem xét, xử lý.

[15] Về vật chứng: Đối với chiếc mô tô biển kiểm soát 23L1-118.90 M sử dụng để vận chuyển pháo. Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định: Đây là tài sản chung của cả gia đình bị cáo, những người khác trong gia đình không biết việc bị cáo sử dụng tài sản trên để vận chuyển pháo nên cần trả lại cho bị cáo.

[16] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL MODEL V6410 của bà Sân Thị M (mẹ của bị cáo M), khi M lấy máy để giao dịch mua và vận chuyển pháo về cho V nhưng bà M không biết nên cần trả lại cho bị cáo.

[17] Từ những căn cứ trên, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) thùng cát tông màu nâu, kích thước 46x32x46 cm, bên ngoài bọc bao tải xác rắn màu xanh, bên trong có khối lượng pháo là 20,9kg (Hai mươi phẩy chín kilogam), là số pháo còn lại sau khi giám định.

+ 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang màu đen, kích thước 17x11,5 cm, trên mặt giấy ghi: "Người Nhận: trần Văn Đ; Địa chỉ: gầm cầu tt Đ, t Hà Nam; sđt: 0353634582; Nhà xe Hà Giang: Đ; Người gửi: Vàng Thị m; Địa chỉ: Ng QB-HG; sđt: 0384295211".

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 màu vàng trắng, lắp 01 sim mạng VIETTEL, số thuê bao 0399294761; số IMEL 1: 863654039191630, số IMEL 2: 863654039191622; Tình trạng máy: đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình.

-Trả lại cho bị cáo M những tài sản còn lại.

[18] Về án phí:

[19] Bị cáo M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo, phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 191, khoản 1 Điều 47, điểm i , s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố Bị cáo Vàng Thị M và Dương Quang V phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Xử phạt bị cáo Vàng Thị M 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 32 *(Ba mươi hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/4/2020.

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Dương Quang V 20 (*Hai mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 40 *(Bốn mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/4/2020.

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) thùng cát tông màu nâu, kích thước 46x32x46 cm, bên ngoài bọc bao tải xác rắn màu xanh, bên trong có khối lượng pháo là 20,9kg (Hai mươi phẩy chín kilogam), là số pháo còn lại sau khi giám định. Số vật chứng này đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang quản lý theo quy định của pháp luật. Giao cho Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền.

+ 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang màu đen, kích thước 17x11,5 cm, trên mặt giấy ghi: "Người Nhận: trần Văn Đ; Địa chỉ: gầm cầu tt Đ, t Hà Nam; sđt: 0353634582; Nhà xe Hà Giang: Đ; Người gửi: Vàng Thị m; Địa chỉ: Ngh QB-HG; sđt: 0384295211".

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 màu vàng trắng, lắp 01 sim mạng VIETTEL, số thuê bao 0399294761; số IMEL 1: 863654039191630, số IMEL 2: 863654039191622; Tình trạng máy: đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình.

- Trả lại cho bị cáo Vàng Thị M những tài sản sau:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23L1-118.90, số khung 3638GY008671, số máy JA36E0432481.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL MODEL V6410, màu đen, số IMEL 1:356781090152278, số IMEL 2: 356781090152286; tình trạng máy: đã qua sử dụng, không có thẻ sim điện thoại lắp bên trong máy.

- 01 (một) thẻ sim điện thoại di động nhà mạng VIETTEL, số thuê bao 0384295211, kích thước 01x1,5cm.

+ 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam-BIDV màu vàng, kích thước 8,5x5,5 cm, trên thẻ in các số nổi "9704180102367851" và dòng chữ nổi "VANG THI M".

+ 01 chìa khóa điện của xe mô tô biển kiểm soát 23L1-118.90.

+ 01 chiếc áo khoác đồng phục học sinh màu xanh trắng.

+ 01 (một) chiếc quần bò màu đen;

+ 01 (một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu đen, bên trên mũ có dòng chữ "adidas".

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang ngày 08/4/2020).

- Về án phí:

Miễn án phí cho bị cáo Vàng Thị M

Buộc bị cáo Dương Quang V phải chịu 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vụ án được xét xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSNDTPHG,tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG, tỉnh H Giang;
- CQTHA Hình sự CATP HG;
- Các Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- UBND xã Ngh, huyện Q;
- UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh HN;
- THA DS TP;
- Sở Tư Pháp t Hà Giang, t Hà Nam;
- Lưu HS - BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Quy